

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 150/2025/DS-PT

Ngày: 04-3-2025

V/v “Hợp đồng đặt cọc và đòi
tài sản là giấy chứng nhận
Quyền sử dụng đất”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Văn Đạt**

Các Thẩm phán: Bà **Trương Thị Tuyết Linh**

Bà **Nguyễn Ái Đoan**

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Lưu Thị Loan** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:**
Bà **Mai Thị Đào Quyên** - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 641/2024/TLPT-DS ngày 18 tháng 12 năm 2024 về tranh chấp “Hợp đồng đặt cọc và đòi tài sản là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 105/2024/DS-ST ngày 04 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 771/2024/QĐ-PT ngày 26 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Nguyễn Hoàng Bảo C, sinh năm 1984;

Địa chỉ: ấp T, xã L, huyện C, Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Nguyễn Thị Huỳnh N, sinh năm 1988 (Có mặt);

Địa chỉ: ấp Đ, xã Đ, huyện C, Tiền Giang.

- **Bị đơn:**

1. Nguyễn Thị B, sinh năm 1941;

Địa chỉ: Số I A, Ô, khu B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo uỷ quyền: Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1989 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Tổ F, ấp M, xã M, huyện P, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo uỷ quyền: Hứa Tấn T, sinh năm 2000 (Có mặt);

Địa chỉ: Ấp L, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

2. Phan Minh C1, sinh năm 1979 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Số I B, Ô, khu B thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Phan Thị R, sinh năm 1970 (Xin vắng mặt);

Địa chỉ: Số D Ô, khu B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Phan Thị C2, sinh năm 1975 (Xin vắng mặt);

Địa chỉ: Số A Ô, khu B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người làm chứng:* Ngô Quang P, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn Nguyễn Hoàng Bảo C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, nguyên đơn và người đại diện uỷ quyền của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Huỳnh N trình bày:

Ông Phan Minh C1 là con trai của bà Nguyễn Thị B, vào ngày 07/02/2023 ông C có mua phần đất diện tích 917m² thuộc thửa số 439, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang do hộ bà Nguyễn Thị B đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thoả thuận giá 350.000.000 đồng, khi bán đất thì phía ông C1 nói hộ bà B chỉ có bà B và ông C1. Giữa ông C và bà B với ông C1 có làm giấy đặt cọc ngày 07/02/2023 thoả thuận ông C đặt cọc 50.000.000 đồng cho bà B, nhưng ông C1 đại diện bà B ký nhận. Thời hạn đặt cọc từ ngày 07/02/2023 đến ngày 07/05/2023, thoả thuận trong thời gian này hai bên sẽ ký hợp đồng chuyển nhượng tại Văn phòng công chứng, sau khi ký hợp đồng xong thì ông C sẽ giao đủ số tiền còn lại khi hai bên công chứng. Đến tháng 5 năm 2023 thì bà B và ông C1 xin thêm thời hạn vài tháng để liên hệ Công an làm thủ tục xác nhận thành viên trong hộ, cung cấp cho ông C để ký hợp đồng chuyển nhượng. Tuy nhiên, ngày 05/7/2023 ông C1 đến nhận của ông C thêm số tiền 300.000.000 đồng là nhận đủ số tiền hai bên đã thoả thuận mua bán, ông C1 có làm biên nhận ghi ngày 05/7/2023 với nội dung đã nhận đủ 350.000.000 đồng tiền chuyển đất thửa 439 từ ông C. Sau khi nhận đủ tiền thì bà B, ông C1 không tiếp tục chuyển nhượng cho ông C. Do đó, ông C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết

- Buộc bà Nguyễn Thị B và ông Phan Minh C1 liên đới trả cho ông C số tiền chuyển nhượng đất đã nhận 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng) và bồi thường thiệt hại số tiền 350.000.000 đồng, tổng cộng là 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng).

- Hủy Hợp đồng đặt cọc ngày 07/02/2023 và hủy thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất ghi trong “Biên nhận tiền” ngày 05/7/2023.

Ngày 01/7/2024 ông C thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng đặt cọc vô hiệu, chỉ đòi lại tiền đặt cọc 350.000.000 đồng và lãi suất 0,83%/tháng kể từ 07/02/2023 đến khi xét xử, tạm tính 52.290.000 đồng. Ông C không yêu cầu bà B có nghĩa vụ liên đới trả cùng ông C1, đồng ý trả bà B lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, vì ông C đang giữ do khi đặt cọc có giao bản chính giấy chứng nhận cho ông C giữ để làm tin. Tuy nhiên, ông C chỉ đồng ý trả giai đoạn khi bản án có hiệu lực pháp luật, giao tại Thi hành án, không đồng ý giao tại Tòa theo yêu cầu bà B.

Bị đơn bà Nguyễn Thị B và người đại diện theo uỷ quyền của bà B trình bày: Ông Phan Minh C1 là con ruột của bà B và là con út trong gia đình nên ở cùng bà. Hiện tại, gia đình bà B đang bị thất lạc một số Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ bà Nguyễn Thị B, trong đó có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông C đang giữ. Nguyên đơn Nguyễn Hoàng Bảo C yêu cầu Tòa án hủy hợp đồng đặt cọc ngày 02/7/2023 và hợp đồng thỏa thuận chuyển nhượng ngày 05/7/2023 bà B đồng ý, ông C không yêu cầu bà B có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 350.000.000 đồng đặt cọc như lúc khởi kiện ban đầu, bà B hoàn toàn đồng ý và không có ý kiến gì. Tuy nhiên, nếu ông C không trả ngay giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà B thì bà B vẫn giữ nguyên yêu cầu đòi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bởi vì:

- Ông Nguyễn Hoàng Bảo C không có chứng cứ nào chứng minh bà B có thỏa thuận, giao dịch hay nhận tiền cọc của ông C. Tất cả các chứng cứ ông C cung cấp tại Tòa án không có chữ ký của bà B, bà B hoàn toàn không biết về các giao dịch như nguyên đơn và đại diện nguyên đơn trình bày.

- Thửa đất số 439, diện tích 917m², tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 477710 cấp ngày 17/12/1998 do UBND huyện C, cấp cho hộ bà Nguyễn Thị B ông C1 hoàn toàn không có trong hộ bà B và bà B cũng không có ký bất kỳ văn bản ủy quyền nào cho phép ông Phan Minh C1 được thay mặt bà B thực hiện các giao dịch hay thủ tục liên quan đến quyền sử dụng đất nêu trên.

Ngoài ra, bà B có ý kiến đề nghị Tòa án xem xét thêm tính hợp pháp, hợp lý của giấy đặt cọc và biên nhận nhận tiền. Vì hợp đồng đặt cọc bên bán ghi Nguyễn Thị B, nhưng người ký bên bán là Phan Minh C1. Văn bản này không

có công chứng, chứng thực, biên nhận tiền có dòng chữ ghi đã giao nhận đủ, nhìn bằng mắt thường có vẻ là không cùng một người viết ra. Tuy nhiên, do ông C không còn yêu cầu bà B có trách nhiệm liên đới nên không có yêu cầu giám định chữ viết.

Bị đơn ông Phan Minh C1 đã được triệu tập hợp lệ, nhưng vắng mặt, không có văn bản ghi ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như những người tham gia tố tụng khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Phan Thị C2 trình bày: Bà là người đang quản lý phần đất ông C khai mua của ông C1, bà có cùng ý kiến bà B.

Bà Phan Thị R trình bày: Bà là người cùng hộ khẩu với bà B vào thời điểm bà B mua đất, đối với thửa đất ông C tranh chấp với bà B. Bà là thành viên trong hộ bà B nên bà thống nhất ý kiến bà B.

Người làm chứng ông Ngô Quang P trình bày: Ông là người giới thiệu cho ông C mua phần đất nêu trên của ông Phan Minh C1 và cũng là người viết hợp đồng đặt cọc và là người chứng kiến giao dịch giữa hai bên giao nhận số tiền 350.000.000 đồng.

Ngày 13/9/2024 ông Nguyễn Hoàng Bảo C có đơn xin rút lại toàn bộ yêu cầu khởi kiện và tại phiên toà ngày 18/9/2024 đại diện uỷ quyền của ông C trình bày xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện đối với bà B, ông C1. không yêu cầu Toà án giải quyết vụ việc.

Tại phiên toà đại diện uỷ quyền của bà Nguyễn Thị B có ý kiến: Nếu ông C giao trả ngay bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà B thì bà B sẽ rút đơn phản tố, còn nếu ông C rút yêu cầu khởi kiện mà không trả ngay giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà B vẫn giữ nguyên yêu cầu phản tố, đề nghị Hội đồng xét xử buộc ông C có nghĩa vụ trả ngay giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 439, diện tích 917m², tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 477710 cấp ngày 17/12/1998 do UBND huyện C cấp cho hộ bà Nguyễn Thị B. Bà B không yêu cầu nếu ông C không tự nguyện trả tại giai đoạn thi hành án thì bà được liên hệ cơ quan có thẩm quyền thực hiện cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nếu ông C giữ giấy tờ bà B trái pháp luật không tự nguyện thi hành, thì sẽ bị cưỡng chế, hoặc vì sự kiện bất khả kháng, trở ngại khách quan thì Cơ quan có thẩm quyền có nghĩa vụ cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà B, nên bà B không còn tiếp tục yêu cầu này.

Tại Bản án dân sơ thẩm số 397/2024/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang áp dụng Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, 228, 244, 273 Bộ luật tố

tụng dân sự năm 2015; Điều 105 Điều 115 và Điều 328 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu ông Nguyễn Hoàng Bảo C yêu cầu hủy hợp đồng đặt cọc, đòi ông Phan Minh C1 có nghĩa vụ trả số tiền đặt cọc 350.000.000 đồng và lãi suất.

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị B đối với ông Nguyễn Hoàng Bảo C.

2.1 Buộc ông Nguyễn Hoàng Bảo C có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị B bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 439, diện tích 917m², tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 477710 cấp ngày 17/12/1998 do UBND huyện C cấp cho hộ bà Nguyễn Thị B.

2.2 Trong trường hợp vì sự kiện bất khả kháng, trở ngại khách quan mà ông C không còn giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà B để giao trả bà B thì cơ quan có thẩm quyền có nghĩa vụ cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị B.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, nguyên đơn Nguyễn Hoàng Bảo C có đơn kháng cáo với nội dung yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết bao gồm: Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị B.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật. Các đương sự cũng chấp hành theo đúng quy định của pháp luật. Riêng bị đơn Phan Minh C1 vắng mặt nhiều lần không rõ lý do.

- Về nội dung vụ án và yêu cầu kháng cáo: Bản án sơ thẩm đã xét xử là phù hợp với các tài liệu chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án. Bà B không bán đất, không nhận tiền của ông C, cho nên yêu cầu phản tố của bà B là có căn cứ. Ông C kháng cáo nhưng không cung cấp thêm chứng cứ gì mới để chứng minh. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nội dung yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, lời trình bày

của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp “*Hợp đồng đặt cọc và đòi tài sản là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*” là có căn cứ pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm thì nguyên đơn kháng cáo bản án trong thời hạn luật định và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đầy đủ nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Đối với bị đơn Phan Minh C1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập dự phiên tòa phúc thẩm nhiều lần nhưng vẫn cố tình vắng mặt không rõ lý do. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phan Thị R, Phan Thị C2 có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự này theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn tranh chấp hợp đồng đặt cọc ghi ngày 05/7/2023. Quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn sơ thẩm, nguyên đơn sau khi có thay đổi yêu cầu khởi kiện thì rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Bị đơn bà Nguyễn Thị B có yêu cầu phản tố, yêu cầu ông C phải trả cho bà B 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 439, diện tích 917m², tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 477710 cấp ngày 17/12/1998 do UBND huyện C, cấp cho hộ bà Nguyễn Thị B. Sau khi Tòa án sơ thẩm xét xử, đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn (do nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện). Buộc Nguyên đơn trả cho bà B 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì nguyên đơn kháng cáo bản án không đồng ý trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà B.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Nguyễn Hoàng Bảo C, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Trước hết đối với việc Tòa án sơ thẩm: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu ông Nguyễn Hoàng Bảo C yêu cầu huỷ hợp đồng đặt cọc, đòi ông Phan Minh C1 có nghĩa vụ trả số tiền đặt cọc 350.000.000 đồng và lãi suất. Vấn đề này không có kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

[3.2] Xét kháng cáo của nguyên đơn không đồng ý hoàn trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà B. Tài liệu thu thập có trong hồ sơ thể hiện, ngày 07/02/2023 anh Phan Minh C1 (con bà B) có làm hợp đồng đặt cọc hứa bán cho ông Nguyễn Hoàng Bảo C3 thửa đất số 439, diện tích 917m² đất tọa lạc tại ấp L, xã L, huyện C tỉnh tiền G với số tiền 350.000.000đồng. Anh Minh C1 đã viết biên nhận nhận 50.000.000đồng tiền cọc. Ngày 05/7/2023, anh Minh C1 tiếp tục làm giấy nhận số tiền 300.000.000đồng. Cả hai tờ giấy đều ghi tên bà

Nguyễn Thị B là bên bán nhưng cuối biên nhận ghi người nhận tiền là Phan Minh C1. Bà B không thừa nhận việc nhận tiền cọc cũng như nhận tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Nguyên đơn không có chứng cứ gì chứng minh việc xác lập hợp đồng đặt cọc và biên nhận nhận tiền là có sự đồng ý của bà B1. Tòa án sơ thẩm đã xét xử chấp nhận yêu cầu phản tố của bà B1 là có căn cứ phù hợp quy định tại Điều 105, Điều 115 Bộ luật dân sự. Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn là không có căn cứ, không được chấp nhận. Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có căn cứ phù hợp với nhận định của hội đồng xét xử. Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[5] Về án phí: Do không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp xem như thi hành xong án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 296, khoản 1 Điều 308, Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 105 Điều 115 và Điều 328 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Nguyễn Hoàng Bảo C. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 397/2024/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu ông Nguyễn Hoàng Bảo C đòi ông Phan Minh C1 có nghĩa vụ trả số tiền đặt cọc 350.000.000 đồng và lãi suất.

3. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị B đối với ông Nguyễn Hoàng Bảo C.

3.1. Buộc ông Nguyễn Hoàng Bảo C có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị B bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 439, diện tích 917m², tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 477710 cấp ngày 17/12/1998 do UBND huyện C cấp cho hộ bà Nguyễn Thị B.

3.2 Trong trường hợp vì sự kiện bất khả kháng, trở ngại khách quan mà ông C không còn giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà B để giao trả bà B thì bà B có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị B.

4. Về án phí :

- Án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Hoàng Bảo C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm do ông C nộp theo biên lai thu tiền số 0007907 ngày 01/10/2024 Chi cục thi hành án huyện Chợ Gạo xem như thi hành xong án phí dân sự phúc thẩm.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Hoàng Bảo C có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông C đã nộp 16.300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0007395 ngày 05/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo nên được hoàn lại 16.000.000 đồng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án

Trong trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo, Tiền Giang
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Đạt